

Tăng tỷ trọng

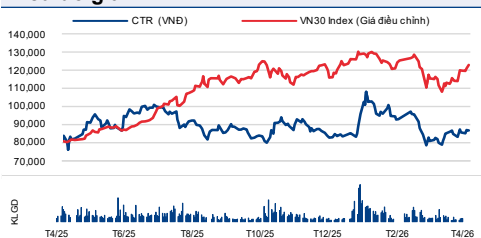
Giá mục tiêu: VNĐ99,000

Tiềm năng tăng/giảm: 13.5%

Giá cổ phiếu (đồng) (17/4/2026)	87,200
Mã Bloomberg	CTR VN
Giá cao/thấp 52 tuần (đ)	76,226-108,000
GTGD (bq 5 phiên) (tr.đ)	86,640
Vốn hóa thị trường (tỷ đ)	9,974
Vốn hóa trị trường (tr.USD)	379
Slg CP lưu hành (tr.đv)	114
Slg CP NN được sở hữu (tr.đv)	56.0
Slg CP NN được mua (tr.đv)	47.1
Giới hạn tỷ lệ sở hữu NN	49.0%
Tỷ lệ sở hữu của NN	7.80%
Tỷ lệ freefloat	34.3%
Cổ đông lớn	Tập đoàn Viettel (65.7%)

Nguồn: Công ty, Ước tính của HSC

Biểu đồ giá



Nguồn: Công ty, FactSet

Tóm tắt tài chính và định giá

Cuối năm: Thg12	12-25A	12-26F	12-27F
DT thuần (tỷ đồng)	13,940	16,051	18,136
EBITDA đc (tỷ đồng)	1,107	1,276	1,512
LNTT (tỷ đồng)	745	846	967
LNT ĐC (tỷ đồng)	468	528	604
FCF (tỷ đồng)	1,088	(57.0)	(28.4)
EPS ĐC (đồng)	4,092	4,619	5,277
DPS (đồng)	1,500	1,500	2,000
BVPS (đồng)	18,086	21,205	24,482
T.trưởng EBITDA (%)	7.27	15.3	18.5
T.trưởng EPS ĐC (%)	16.2	12.9	14.3
Tăng trưởng DPS (%)	(30.2)	0	33.3
Tỷ suất EBITDA ĐC (%)	7.94	7.95	8.34
Tỷ suất LNTT (%)	5.35	5.27	5.33
Tỷ suất LNT ĐC (%)	4.30	4.22	4.27
Tỷ lệ LN trả CT (%)	36.7	32.5	37.9
Nợ thuần/VCSH (%)	85.1	79.5	83.3
ROAE (%)	30.5	30.1	29.6
ROACE (%)	29.9	31.2	29.9
EV/doanh thu (lần)	0.64	0.59	0.54
EV/EBITDA ĐC (lần)	8.05	7.44	6.46
P/E ĐC (lần)	21.3	18.9	16.5
P/B (lần)	4.82	4.11	3.56
Lợi suất cổ tức (%)	1.72	1.72	2.29

Nguồn: Bloomberg, HSC ước tính

Mô tả doanh nghiệp

Khởi đầu là đơn vị xây dựng cho Viettel, tập đoàn viễn thông số 1 tại Việt Nam, CTR hiện đã trở thành doanh nghiệp đi đầu trong lĩnh vực hạ tầng viễn thông với sự tham gia vào các mảng xây dựng, vận hành và đầu tư cho thuê hạ tầng.

Chuyên viên phân tích

Trần Thị Thu Nga, CFA

Trưởng phòng , Ngành Công Nghiệp & nga.tttthu@hsc.com.vn
+84 24 3933 4693 Ext. 4807

Võ Thị Ngọc Hân, CFA

Giám Đốc Cấp Cao, Ngành Công Nghiệp han.vtn@hsc.com.vn
+84 28 3823 3299 Ext. 314

KQKD sơ bộ Q1/2026: LNTT tăng 22%, sát với dự báo

- CTR vừa công bố KQKD Q1/2026 tích cực, với doanh thu thuần đạt 3,8 nghìn tỷ đồng, tăng 40% so với cùng kỳ và LNTT đạt 189 tỷ đồng, tăng 22% so với cùng kỳ. Kết quả này sát với kỳ vọng của HSC, hoàn thành lần lượt 24% và 22% dự báo doanh thu và lợi nhuận cho cả năm của chúng tôi.
- Đà tăng trưởng doanh thu được thúc đẩy mạnh mẽ bởi sự bứt phá của mảng xây lắp (tăng 82% so với cùng kỳ) và mảng giải pháp tích hợp (tăng 57% so với cùng kỳ). Song song đó, mảng vận hành và cho thuê cũng ghi nhận tăng trưởng doanh thu vững chắc, với mức tăng lần lượt là 14% và 17%.
- Tính đến cuối Q1/2026, số trạm BTS của CTR không đổi (so với cuối năm 2025) ở mức 12.000 trạm, với tỷ lệ dùng chung trạm đạt 1,041 lần (cải thiện nhẹ so với cuối năm 2025). Chúng tôi duy trì khuyến nghị Tăng tỷ trọng và giữ nguyên giá mục tiêu 99.000đ (tiềm năng tăng giá 14%).

Sự kiện: Công bố KQKD sơ bộ Q1/2026

KQKD sơ bộ Q1/2026 tích cực và sát với dự báo, với doanh thu thuần đạt 3,8 nghìn tỷ đồng (tăng 40% so với cùng kỳ) và LNTT đạt 189 tỷ đồng (tăng 22% so với cùng kỳ), hoàn thành lần lượt 24% và 22% dự báo cho cả năm 2026 của HSC.

Doanh thu tăng vững chắc ở tất cả các mảng kinh doanh

Đà tăng trưởng doanh thu được thúc đẩy bởi mảng xây lắp (tăng 82% so với cùng kỳ lên 1.433 tỷ đồng, đóng góp 37% tổng doanh thu thuần) và mảng giải pháp tích hợp và dịch vụ kĩ thuật (tăng 57% so với cùng kỳ lên 564 tỷ đồng, đóng góp 15% tổng doanh thu thuần). Doanh thu mảng vận hành (tăng 14% so với cùng kỳ lên 1.590 tỷ đồng, đóng góp 41% tổng doanh thu thuần) và cho thuê hạ tầng (tăng 17% so với cùng kỳ lên 232 tỷ đồng, đóng góp 6% tổng doanh thu thuần) cũng ghi nhận mức tăng trưởng ổn định. Mặc dù vậy, chúng tôi nhận thấy doanh thu cho thuê tăng chậm lại do tốc độ lắp đặt trạm BTS chững lại.

Tính đến cuối Q1/2026, tổng số trạm BTS vẫn giữ nguyên ở mức 12.000 trạm so với cuối năm 2025. Xét về yếu tố chu kỳ, hoạt động lắp đặt trạm BTS thường trầm lắng trong Q1 và chỉ bắt đầu tăng tốc từ Q2. Do đó, ở giai đoạn này, chúng tôi chưa thấy có rủi ro nào đối với giả định hiện tại là sẽ có thêm 1.000 trạm BTS mới được xây dựng trong năm nay (phù hợp với kế hoạch của công ty). Tính đến cuối Q1/2026, có 494 trạm BTS có từ hai khách thuê trở lên, dẫn đến tỷ lệ dùng chung trạm đạt 1,041 lần, cải thiện nhẹ so với mức 1,040 lần vào cuối năm 2025. BLĐ đề ra mục tiêu cải thiện tỷ lệ dùng chung trạm lên 1,05-1,06 lần vào cuối năm 2026.

Trong bối cảnh thị trường viễn thông truyền thống dần tiến tới giai đoạn bão hòa, CTR đang chủ động chuyển dịch trọng tâm sang các mảng kinh doanh phi viễn thông như mảng dựng và giải pháp tích hợp.

(Xem tiếp trang 2)

Bảng 1: KQKD Q1/26, CTR

KQKD sơ bộ Q1/26, LNTT tăng mạnh 22% so với cùng kỳ, sát dự báo của HSC

Tỷ đồng	T3-25	T3-26	Svck	Q1/25	Q1/26	Svck	Dự báo 2026	% hoàn thành
Doanh thu thuần	993	1,344	35.4%	2,738	3,839	40.2%	16,051	23.9%
LNTT	54	66	21.2%	154	189	22.4%	846	22.3%

Nguồn: CTR, HSC

- Đối với mảng xây lắp, tăng trưởng doanh thu được bảo chứng bởi uy tín thương hiệu và năng lực triển khai đã được kiểm chứng của CTR. Tuy nhiên, chúng tôi cho rằng CTR có thể phải tiếp nhận các dự án hoặc khách hàng rủi ro hơn để theo đuổi mục tiêu tăng trưởng doanh thu, vì tính đến cuối năm 2025, nợ xấu đã tăng 54% so với cùng kỳ lên 166 tỷ đồng (trong đó CTR đã trích lập dự phòng 154 tỷ đồng).
- Mảng giải pháp tích hợp ghi nhận đã tăng trưởng doanh thu ấn tượng, được dẫn dắt bởi hoạt động tổng thầu EPC điện mặt trời. Động lực này đến từ các chính sách hỗ trợ quyết liệt của Chính phủ, đặc biệt là các cơ chế tài chính như thanh toán trước và ưu đãi lãi suất đang trong lộ trình triển khai. Đây là bước chuẩn bị chiến lược để thực hiện hóa mục tiêu (i) trang bị điện mặt trời áp mái cho 10% hộ gia đình/văn phòng hoặc (ii) đạt 20% kế hoạch công suất hàng năm trong giai đoạn 2026-2030.

Số lượng dự án chưa triển khai dồi dào trong Q1/2026

Giá trị hợp đồng chưa thực hiện của CTR rất vững chắc trong Q1/2026, cụ thể:

- Đối với mảng xây dựng dân dụng và giải pháp tích hợp, CTR đã ký nhiều hợp đồng với tổng giá trị 2,2 nghìn tỷ đồng, với một số dự án đáng chú ý bao gồm dự án nhà ở xã hội 334 căn tại Hưng Yên (220 tỷ đồng), dự án khu nghỉ dưỡng của Tập đoàn Onsen Fuji tại Quảng Trị (206 tỷ đồng), và dự án điện mặt trời 4,8 MWp tại Lâm Đồng.
- Đối với mảng xây lắp hạ tầng viễn thông, công ty đã ký hợp đồng dự án 5G Private trị giá 261 tỷ đồng với Binh chủng Thông tin liên lạc (Bộ Quốc phòng).
- Đối với mảng điện mặt trời, công ty đặt mục tiêu mở rộng thị phần (với tư cách là nhà thầu EPC) lên mức 70% trong năm 2026, từ mức khoảng 50% trong năm 2025. Trong Q1/2026, CTR đã ký các hợp đồng với tổng công suất 52,3 MWp (so với tổng công suất lắp đặt 166 MWp của cả năm 2025).

Duy trì khuyến nghị Mua vào và giá mục tiêu

HSC giữ nguyên dự báo lợi nhuận cho năm 2026 và 2027, cho thấy lợi nhuận thuần đạt lần lượt 677 tỷ đồng (tăng trưởng 13%) và 774 tỷ đồng (tăng trưởng 14%).

Với dự báo hiện tại, CTR đang giao dịch với EV/EBITDA điều chỉnh trượt dự phóng 1 năm là 8,1 lần, thấp hơn bình quân từ năm 2021 ở mức 10,9 lần. Triển vọng tăng trưởng của CTR duy trì sự ổn định, bất chấp tâm lý nhà đầu tư có phần thận trọng trước sự tái cơ cấu mô hình kinh doanh. Thị trường hiện đang điều chỉnh kỳ vọng khi mảng viễn thông truyền thống, đặc biệt là cho thuê hạ tầng, có dấu hiệu tăng trưởng chậm lại, trong khi mảng năng lượng sạch đang nổi lên như một động lực tăng trưởng mới. Chúng tôi nhận thấy cổ phiếu vẫn còn giá trị đầu tư, đặc biệt khi định giá đang ở mức hợp lý. Duy trì khuyến nghị Tăng tỷ trọng.

Bảng 2: Cơ cấu doanh thu Q1/26, CTR

Doanh thu thuần Q1/26 tăng 40% so với cùng kỳ, dẫn đầu bởi mảng xây dựng (tăng 82% so với cùng kỳ) và mảng giải pháp tích hợp (tăng 57% so với cùng kỳ)

Tỷ đồng	T3-25	T3-26	Svck	Q1/25	Q1/26	Svck
Doanh thu thuần	993	1,344	35.4%	2,738	3,839	40.2%
Vận hành	488	509	4.3%	1,397	1,590	13.8%
Xây dựng	305	543	78.3%	786	1,433	82.3%
Giải pháp tích hợp	122	214	74.9%	358	564	57.3%
Cho thuê hạ tầng	69	79	14.2%	198	232	17.4%
Đ góp						
Vận hành	49%	38%		51%	41%	
Xây dựng	31%	40%		29%	37%	
Giải pháp tích hợp	12%	16%		13%	15%	
Cho thuê hạ tầng	7%	6%		7%	6%	

Nguồn: CTR

BCTC và chỉ số tài chính chủ chốt

Báo cáo KQ HKKD (tỷ đồng)	12-24A	12-25A	12-26F	12-27F	12-28F
Doanh thu	12,610	13,940	16,051	18,136	20,165
Lợi nhuận gộp	884	982	1,114	1,263	1,424
Chi phí BH&QL	(169)	(248)	(225)	(254)	(282)
Thu nhập khác	3.98	18.5	0	0	0
Chi phí khác	(6.50)	(0.15)	0	0	0
EBIT	713	752	890	1,009	1,142
Lãi vay thuần	(41.1)	(7.04)	(43.4)	(42.1)	(30.0)
Lãi/lỗ trong Cty LD,LK	0	0	0	0	0
Lợi nhuận khác	-	-	-	-	-
LN không thường xuyên	-	-	-	-	-
LNTT	672	745	846	967	1,112
Chi phí thuế TNDN	(134)	(146)	(169)	(193)	(222)
Lợi ích cổ đông thiểu số	0	0	0	0	0
LNST không thường xuyên	-	-	-	-	-
Lợi nhuận thuần	538	600	677	774	889
Lợi nhuận thuần ĐC	403	468	528	604	694
EBITDA ĐC	1,032	1,107	1,276	1,512	1,752
EPS (đồng)	3,522	4,092	4,619	5,277	6,068
EPS ĐC (đồng)	3,522	4,092	4,619	5,277	6,068
DPS (đồng)	2,150	1,500	1,500	2,000	2,500
Sig CP bình quân (triệu đv)	114	114	114	114	114
Sig CP cuối kỳ (triệu đv)	114	114	114	114	114
Sig CP pha loãng cuối kỳ (triệu đv)	114	114	114	114	114

Bảng cân đối kế toán (tỷ đồng)	12-24A	12-25A	12-26F	12-27F	12-28F
Tiền & tương đương tiền	887	1,705	1,167	863	983
Đầu tư ngắn hạn	854	1,618	1,284	1,270	1,210
Phải thu khách hàng	2,937	2,714	3,050	3,355	3,630
Hàng tồn kho	610	425	482	544	605
Các tài sản ngắn hạn khác	134	164	161	181	202
Tổng tài sản ngắn hạn	5,421	6,625	6,143	6,214	6,630
TSCĐ hữu hình	191	134	89.3	43.8	(2.24)
TSCĐ vô hình	0	0	0	0	0
Bất động sản đầu tư	1,223	1,335	1,973	2,506	2,432
Đầu tư dài hạn	252	80.4	80.4	80.4	80.4
Đầu tư vào Cty LD,LK	0	0	0	0	0
Tài sản dài hạn khác	19.7	10.4	11.9	13.5	15.0
Tổng tài sản dài hạn	1,685	1,560	2,155	2,644	2,525
Tổng cộng tài sản	7,106	8,185	8,298	8,857	9,154
Nợ ngắn hạn	1,052	1,760	1,284	1,088	807
Phải trả người bán	608	435	642	725	807
Nợ ngắn hạn khác	2,388	2,048	1,985	1,985	1,985
Tổng nợ ngắn hạn	4,653	5,598	5,186	5,219	5,161
Nợ dài hạn	573	503	687	838	785
Thuế TNDN hoãn lại phải trả	0	0	0	0	0
Nợ dài hạn khác	15.3	15.8	0	0	0
Tổng nợ dài hạn	588	518	687	838	785
Tổng nợ phải trả	5,241	6,117	5,873	6,057	5,946
Vốn chủ sở hữu	1,865	2,069	2,426	2,800	3,209
Lợi ích cổ đông thiểu số	0	0	0	0	0
Tổng vốn chủ sở hữu	1,865	2,069	2,426	2,800	3,209
Tổng nợ phải trả và VCSH	7,106	8,185	8,298	8,857	9,154
BVPS (đ)	16,305	18,086	21,205	24,482	28,050
Nợ thuần/(tiền mặt)	738	558	804	1,062	608

Báo cáo LCTT (tỷ đồng)	12-24A	12-25A	12-26F	12-27F	12-28F
EBIT	713	752	890	1,009	1,142
Khấu hao	(319)	(355)	(387)	(503)	(610)
Lãi vay thuần	(41.1)	(7.04)	(43.4)	(42.1)	(30.0)
Thuế TNDN đã nộp	(116)	(142)	(169)	(193)	(222)
Thay đổi vốn lưu động	465	675	(265)	(139)	(112)
Khác	(133)	17.3	230	(91.7)	(80.4)
LCT thuần từ HKKD	1,141	1,457	923	962	1,232
Đầu tư TS dài hạn	(801)	(370)	(980)	(990)	(490)
Góp vốn & đầu tư	(1,651)	(2,928)	0	0	0
Thanh lý	1.11	25.5	0	0	0
Khác	1,850	2,239	(1.57)	(1.55)	(1.51)
LCT thuần từ HĐĐT	(600)	(1,033)	(982)	(992)	(492)
Cổ tức trả cho CSH	(525)	(244)	(172)	(229)	(286)
Thu từ phát hành CP	0	0	0	0	0
Tăng/giảm nợ	51.4	638	(292)	(45.3)	(334)
Khác	0	0	(15.8)	0	0
LCT thuần từ HĐTC	(474)	394	(479)	(274)	(620)
Tiền & tương đương tiền đầu kì	819	887	1,705	1,167	863
LCT thuần trong kỳ	66.8	819	(538)	(304)	120
Ảnh hưởng của tỷ giá	-	-	-	-	-
Tiền & tương đương tiền cuối kì	885	1,706	1,167	863	983
Dòng tiền tự do	340	1,088	(57.0)	(28.4)	742

Các chỉ số tài chính	12-24A	12-25A	12-26F	12-27F	12-28F
Chỉ số hoạt động					
Tỷ suất LN gộp (%)	7.01	7.04	6.94	6.96	7.06
Tỷ suất EBITDA ĐC (%)	8.18	7.94	7.95	8.34	8.69
Tỷ suất LNT (%)	4.27	4.30	4.22	4.27	4.41
Thuế TNDN hiện hành (%)	19.9	19.5	20.0	20.0	20.0
Tăng trưởng doanh thu (%)	10.9	10.5	15.1	13.0	11.2
Tăng trưởng EBITDA ĐC (%)	13.4	7.27	15.3	18.5	15.9
Tăng trưởng LNT ĐC (%)	1.44	16.2	12.9	14.3	15.0
Tăng trưởng EPS (%)	1.44	16.2	12.9	14.3	15.0
Tăng trưởng EPS ĐC (%)	1.44	16.2	12.9	14.3	15.0
Tăng trưởng DPS (%)	(21.0)	(30.2)	0	33.3	25.0
Tỷ lệ LN thuần trả CT (%)	61.1	36.7	32.5	37.9	41.2
Chỉ số lợi nhuận					
ROAE (%)	27.9	30.5	30.1	29.6	29.6
ROACE (%)	29.5	29.9	31.2	29.9	29.9
Vòng quay tài sản (lần)	1.79	1.82	1.95	2.11	2.24
Tiền mặt HD/EBIT (lần)	1.60	1.94	1.04	0.95	1.08
Số ngày tồn kho	19.0	12.0	11.8	11.8	11.8
Số ngày phải thu	91.4	76.4	74.5	72.6	70.7
Số ngày phải trả	18.9	12.3	15.7	15.7	15.7
Cơ cấu vốn					
Nợ thuần*/VCSH (%)	61.7	85.1	79.5	83.3	63.0
Nợ/tài sản (%)	28.7	42.3	37.3	36.1	32.8
EBIT/lãi vay (lần)	17.4	107	20.5	24.0	38.1
Nợ/EBITDA (lần)	1.97	3.13	2.42	2.11	1.71
Chỉ số TT hiện thời (lần)	1.17	1.18	1.18	1.19	1.28
Định giá					
EV/doanh thu (lần)	0.78	0.64	0.59	0.54	0.46
EV/EBITDA ĐC (lần)	9.55	8.05	7.44	6.46	5.35
P/E (lần)	24.8	21.3	18.9	16.5	14.4
P/E ĐC (lần)	24.8	21.3	18.9	16.5	14.4
P/B (lần)	5.35	4.82	4.11	3.56	3.11
Lợi suất cổ tức (%)	2.47	1.72	1.72	2.29	2.87

Ghi chú: *Không bao gồm các khoản Đầu tư ngắn hạn.
 Nguồn: Công ty, HSC ước tính

Tuyên bố miễn trách

Bản quyền thuộc về CTCP Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HSC) 2025.

Báo cáo này được HSC hoặc một trong các chi nhánh viết và phát hành để phân phối tại Việt Nam và nước ngoài; phục vụ cho các nhà đầu tư tổ chức chuyên nghiệp là khách hàng của HSC và đồng ý nhận các sản phẩm nghiên cứu phân tích dành cho khách hàng tổ chức của HSC. Nếu quý độc giả không thuộc đối tượng nhà đầu tư nói trên, báo cáo này sẽ không nhằm phục vụ quý độc giả và quý độc giả không nên đọc hoặc dựa vào nội dung báo cáo này.

Báo cáo nghiên cứu này được viết với mục tiêu duy nhất là cung cấp những thông tin khái quát đến nhà đầu tư tổ chức. Báo cáo này không nhằm tới những mục tiêu đầu tư cụ thể, tình trạng tài chính cụ thể hay nhu cầu cụ thể của bất kỳ người nào nhận được hoặc đọc báo cáo này. Nhà đầu tư phải có quyết định của riêng mình dựa trên tình hình tài chính và mục tiêu đầu tư cụ thể của mình. Các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo không mang tính chất mời chào mua hay bán bất cứ chứng khoán, quyền chọn, hợp đồng tương lai hay công cụ phái sinh nào tại bất kỳ lãnh thổ có quyền tài phán nào. Đồng thời, các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo cũng không nhằm mục đích quảng cáo cho bất cứ công cụ tài chính nào.

Ý kiến, dự báo và ước tính chỉ thể hiện quan điểm của người viết tại thời điểm phát hành, không được xem là quan điểm của HSC và có thể thay đổi mà không cần thông báo. HSC có thể đưa ra khuyến nghị hoặc nhận định khác đối với các đối tượng nhà đầu tư không đồng ý với nội dung của báo cáo này. HSC không có nghĩa vụ phải cập nhật, sửa đổi báo cáo này dưới mọi hình thức cũng như thông báo với người đọc trong trường hợp các quan điểm, dự báo và ước tính trong báo cáo này thay đổi hoặc trở nên không chính xác. Thông tin trong báo cáo này được thu thập từ nhiều nguồn khác nhau và chúng tôi không đảm bảo về sự hoàn chỉnh cũng như độ chính xác của thông tin.

Nhằm đảm bảo sự tách biệt và tính độc lập giữa chuyên viên phân tích và nhân viên của bộ phận tự doanh, HSC có thể có hoặc không có vị thế tự doanh đối với bất kỳ chứng khoán nào được đề cập trong báo cáo này. Nhân viên của bộ phận tự doanh của HSC có thể tham khảo gợi ý của bộ phận nghiên cứu khi mua hoặc bán các vị thế tự doanh hoặc các vị thế do các quỹ của HSC quản lý nắm giữ. HSC có thể giao dịch cho chính công ty theo gợi ý về giao dịch ngắn hạn của các chuyên viên phân tích trong báo cáo này và cũng có thể tham gia vào các giao dịch trái ngược với ý kiến tư vấn. Theo chính sách giao dịch cá nhân, nhân viên của HSC cũng có thể có lợi ích tài chính đối với các chứng khoán được đề cập trong báo cáo này hoặc các công cụ liên quan. HSC cũng có thể có nghiệp vụ ngân hàng đầu tư hoặc tìm kiếm mối quan hệ hợp tác kinh doanh với những công ty được đề cập trong báo cáo này.

Nhà đầu tư phải lưu ý rằng giá và khối lượng giao dịch của các công cụ tài chính luôn biến động, có thể lên hoặc xuống. Những diễn biến trong quá khứ, nếu có, không hàm ý cho những kết quả tương lai.

Báo cáo này là tài sản của HSC và không được công bố rộng rãi ra công chúng, vì vậy không ai được phép sao chép, tái sản xuất, phát hành cũng như tái phân phối bất kỳ nội dung nào của báo cáo hay toàn bộ báo cáo vì bất kỳ mục đích nào nếu không có văn bản chấp thuận của HSC. Mọi cá nhân, tổ chức sẽ chịu trách nhiệm đối với HSC về bất kỳ tổn thất hoặc thiệt hại nào mà HSC hoặc khách hàng của HSC phải chịu do bất kỳ hành vi vi phạm theo Tuyên bố miễn trách này và theo quy định của pháp luật.

Giải thích các mức đánh giá cổ phiếu dành cho khách hàng tổ chức

Mua vào: Kỳ vọng tăng giá trên 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Tăng tỷ trọng: Kỳ vọng tăng giá từ 5% đến 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Nắm giữ: Kỳ vọng tăng giá hoặc giảm giá dưới 5% trong khoảng thời gian 12 tháng
Giảm tỷ trọng: Kỳ vọng giảm giá từ 5% đến 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Bán ra: Kỳ vọng giảm giá trên 20% trong khoảng thời gian 12 tháng



CÔNG TY CHỨNG KHOÁN TỐT NHẤT VÀ ĐỘI NGŨ PHÂN TÍCH HÀNG ĐẦU VIỆT NAM
Được trao bởi Finance Asia, Asiamoney, Institutional Investor & Thomson Reuters

TRỤ SỞ CHÍNH

Tầng 2, 3, 5, 6, 7, 11 & 12 Tòa nhà AB
76 Lê Lai, Phường Bến Thành, TP HCM
T: (+84 28) 3823 3299
F: (+84 28) 3823 3301

CHI NHÁNH HÀ NỘI

Tầng 2, Tòa nhà Cornerstone
16 Phan Chu Trinh, Quận Hoàn Kiếm
T: (+84 24) 3933 4693
F: (+84 24) 3933 4822

E: info@hsc.com.vn W: www.hsc.com.vn